



**TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM - CTCP**  
**CÔNG TY NHẬP KHẨU VÀ PHÂN PHỐI THAN ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ**

## BẢN TIN THAN NGÀY

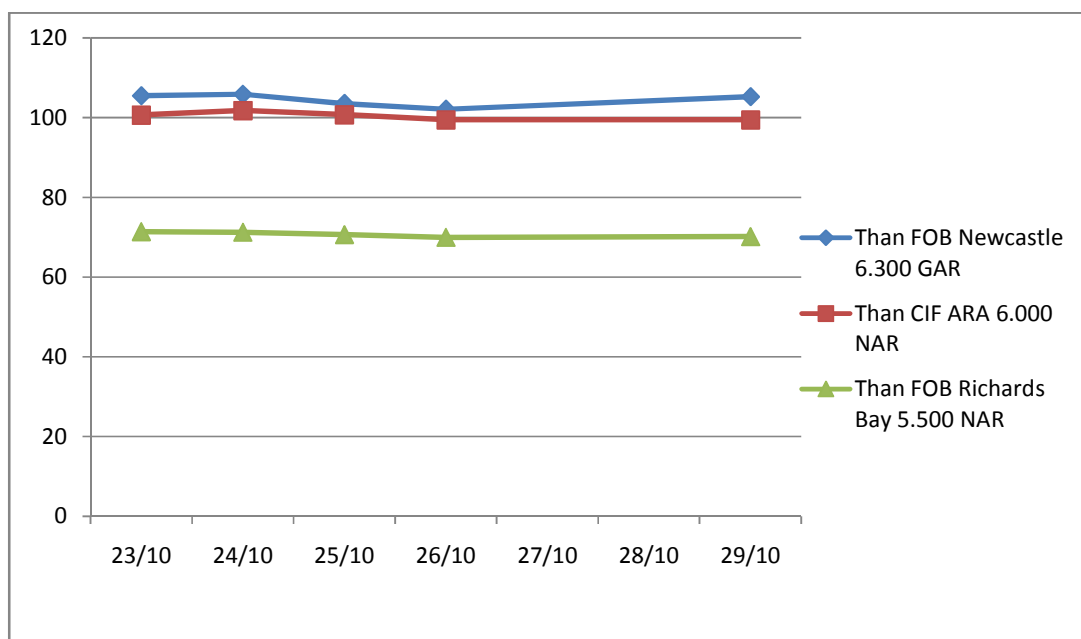
Ngày 30/10/2018

### CHỈ SỐ GIÁ THAN TRÊN THỊ TRƯỜNG THẾ GIỚI

Chỉ số giá than	Giao ngay	+/-	Hợp đồng tương lai kỳ hạn 90 ngày	+/-
FOB Newcastle 6.300 GAR	105,30	+3,15	N/A	N/A
CIF ARA 6.000 NAR	99,45	+0,60	N/A	N/A
FOB Richards Bay 5.500 NAR	70,15	+0,20	N/A	N/A
FOB Kalimantan 5.900 GAR	N/A	N/A	72,50	+0,00
FOB Kalimantan 5.000 GAR	N/A	N/A	53,00	+0,00

Giá tham chiếu than nhiệt Trung Quốc	USD/tấn	+/-	NDT/tấn	+/-
PCC6 (CFR South China 3.800 NAR)	45,30	-0,75	314,10	-4,56
PCC7 (CFR South China 4.700 NAR)	60,80	-0,20	412,57	-0,54
PCC8 (CFR South China 5.500 NAR)	77,75	+0,00	539,10	+1,08

### GIÁ GIAO NGAY CÁC CHỈ SỐ THAN KHU VỰC NĂM 2018



(Nguồn: Platts Coal Trader International – Số liệu ngày 29/10/2018)

## **DIỂM TIN**

### **Công ty Điện lực Đông Nam của Hàn Quốc tìm mua 260.000 tấn than Australia giao trong tháng 1/2019**

Công ty Điện lực Đông Nam Hàn Quốc (KOEN) mới đây đã ký kết hợp đồng mua hai chuyến hàng than Australia 6.080 kcal/kg NAR với giá 92,50 USD/tấn, điều kiện FOB Newcastle, vận chuyển bằng tàu Capesize từ một công ty kinh doanh than lớn trong gói thầu KOEN-Coal-2018-SP04 kết thúc vào ngày (24/10). Trong gói thầu KOEN-Coal-2018-SP04, công ty tìm mua 260.000 tấn than nhiệt trị tối thiểu 5.600 kcal/kg NAR, hàm lượng lưu huỳnh tối đa 0,9% để giao trong tháng 1/2019. Trong đó 80.000 tấn than có yêu cầu nguồn từ Indonesia hoặc Mỹ, 130.000 tấn than còn lại được yêu cầu nguồn từ Australia, Canada, Colombia hoặc Nam Phi trên điều kiện FOB.

Gói thầu trên thuộc một trong ba gói thầu được phát hành bởi công ty kết thúc vào ngày 24/10, với tổng khối lượng 710.000 tấn than sub-bitum và than bitum, giao trong giai đoạn 12/2018 đến 1/2019, trên điều kiện FOB và CFR đến hai nhà máy nhiệt điện Samcheonpo và Yeongheung. Trong gói thầu KOEN-Coal-2018-SP02, KOEN tìm mua 300.000 tấn than có nhiệt trị tối thiểu 4.300 kcal/kg NAR, hàm lượng lưu huỳnh tối đa 0,75% từ một mỏ duy nhất, giao trong giai đoạn nửa cuối tháng 12 đến nửa cuối tháng 1, chia thành các chuyến hàng khối lượng 80.000 tấn với than có nguồn gốc từ Indonesia hoặc Mỹ, hoặc các chuyến hàng 150.000 tấn với than có nguồn gốc từ Australia, Canada, Colombia, Indonesia hoặc Nam Phi trên điều kiện FOB.

Trong gói thầu KOEN-Coal-2018-SP03, KOEN yêu cầu 150.000 tấn than có nhiệt trị tối thiểu 5.100 kcal/kg NAR, hàm lượng lưu huỳnh 0,9% từ một mỏ duy nhất, giao trong tháng 12 năm 2018 chia thành các chuyến 80.000 tấn hoặc 150.000 tấn, đều trên điều kiện FOB hoặc CFR Samcheonpo và Yeongheung. Thông tin kết quả hai gói thầu trên hiện không được công bố.

### **Các công ty thương mại than Châu Âu nghi ngờ nhu cầu nhập khẩu than tại thị trường Trung Quốc**

Các công ty thương mại than Châu Âu đang nghi ngờ về khả năng Trung Quốc sẽ tăng nhu cầu sử dụng than nhập khẩu dù chuẩn bị bước vào thời kỳ mùa đông. Những quy định hạn ngạch nhập khẩu than tại các cảng của Trung Quốc và sản lượng than nội địa gia tăng gần đây đã ảnh hưởng đến các giao dịch trên thị trường than nhập khẩu qua đường biển. Các chuyến hàng than không đạt tiêu chuẩn của Australia tại thị trường Trung Quốc đã được chuyển đến Châu Âu do giá tốt hơn. Một nhà phân tích tại Châu Âu cho biết: “Trung Quốc sẽ nhập than trong tháng 12 tuy nhiên câu hỏi được đặt ra là nhu cầu cụ thể ra sao?”. Lượng than Trung Quốc nhập khẩu trong mùa đông sẽ xác định khối lượng than được vận chuyển đến thị trường Châu Âu trong những tháng tiếp theo. Việc thiếu hụt than dự trữ trầm trọng dẫn đến nhập khẩu than tăng mạnh diễn ra trước lễ Trung Thu tại Trung Quốc trong năm ngoái sẽ không lặp lại vào mùa đông này.

Theo các nhà phân tích của S&P Global Platts, việc sử dụng nhiên liệu không hóa thạch để sản xuất điện đã hạn chế tốc độ tăng trưởng của nhiệt điện chỉ còn 3,7% trong tháng 9. Sản xuất than nội địa của Trung Quốc đang tăng trưởng và có khả năng bắt kịp với nhu cầu trong nước, từ đó ảnh hưởng đến nhu cầu nhập khẩu than. Một công ty thương mại tại Châu Âu đặt ra câu hỏi: “Điều gì sẽ xảy ra nếu nhu cầu nhập khẩu của Trung Quốc không được như trước?”, dựa trên tính toán sản lượng than nội địa Trung Quốc có thể bù đắp được nhu cầu trong nước. Trung Quốc đã nhập khẩu khoảng 240 triệu tấn than trong năm 2017.

### **Sản lượng than nội địa Trung Quốc có thể tăng trong năm nay**

Theo như dữ liệu của Cơ quan Dữ liệu Trung ương Trung Quốc, sản lượng than của nước này đã đạt 30,6 triệu tấn trong tháng 9, tăng 5% so với tháng 8, sản lượng từ đầu năm đến hết tháng 9 đạt 2,6 tỷ tấn, tăng 5% so với cùng kỳ năm ngoái. Sản lượng than nội địa Trung Quốc đạt 3,4 tỷ tấn trong năm 2017, tăng 3,2% so với năm 2016, theo dữ liệu từ Cơ Quan Dữ Liệu Trung Ương. Châu Âu là thị trường lớn nhất nhập khẩu than không đạt tiêu chuẩn thông quan tại Trung Quốc. Theo dữ liệu phần mềm theo dõi tàu biển của Platts, Cflow, ba tàu chở than từ cảng Newcastle tại Australia hiện đang trên đường đến Rotterdam. Vào ngày 25/8, cảng Iskenderun tại Thổ Nhĩ Kỳ tiếp nhận một tàu Capesize, Irene II, từ Hay Points và ngang qua cảng Karadeniz Ereğli tại Thổ Nhĩ Kỳ.

Một công ty thương mại Châu Âu cho biết: “Mọi việc có thể thay đổi khi Trung Quốc quay trở lại thị trường nhập khẩu than”, nhấn mạnh về tầm ảnh hưởng của Trung Quốc lên thị trường toàn cầu. S&P Global Platts định giá than Newcastle 5.500 kcal/kg NAR, độ tro 23%, giao trong 7-45 ngày, điều kiện FOB ở mức 65,29 USD/tấn trong tháng 12, thấp hơn so với giá than Richards Bay 5.500 kcal/kg NAR, điều kiện FOB, giao trong 7-45 ngày ở mức 76,66 USD/tấn trong tháng. Dựa trên giá than 6.000 kcal/kg NAR, điều chỉnh theo độ tro, một tàu Capesize chở than Newcastle 5.500 kcal/kg, điều kiện FOB có thể có giá 82,15 USD/tấn, dựa theo Platts vào thứ 4 (24/10). Platts định giá than 6.000 kcal/kg NAR, điều kiện CIF ARA, giao trong 15-60 ngày ở mức 101,80 USD/tấn vào thứ 4 (24/10), giá vận chuyển ở mức 19,65 USD/tấn. Platts định giá cước tàu Capesize từ Hay Point đến ARA ở mức 13,20 USD/tấn vào thứ 4 (24/10).

(Nguồn: [www.platts.com](http://www.platts.com))

## **CƯỚC VẬN TẢI ĐƯỜNG BIỂN QUỐC TẾ**

Cỡ tàu	Điểm xuất phát	Điểm đến	Cước phí	Đơn vị: USD/tấn
				Thay đổi
<b>Capesize</b> (150.000 tấn)	Australia	Trung Quốc	10,70	+0,25
	Queensland	Nhật Bản	12,30	+0,30
	New South Wales	Hàn Quốc	13,15	+0,30
<b>Panamax</b> (70.000 tấn)	Richards Bay	Tây Ấn Độ	14,20	+0,00
	Kalimantan	Tây Ấn Độ	10,05	+0,00
	Richards Bay	Đông Ấn Độ	14,50	+0,00
	Kalimantan	Đông Ấn Độ	8,40	+0,00
	Australia	Trung Quốc	13,40	+0,00
	Australia	Ấn Độ	15,00	+0,00

(Nguồn: *Platts Coal Trader International* – Số liệu ngày 29/10/2018)